TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2017
Vv: *ly hôn, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Trà**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Long**
Ông **Dương Minh Ngọc**
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông **Đặng Tư Thình** – Thư ký Tòa án

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lương Thị T**, sinh năm 1995; có mặt
Trú tại: thôn Đ, xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Bị đơn: anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1993; vắng mặt
Trú tại: thôn L, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lương Thị T trình bày: Chị T và anh P thông qua mai mối rồi tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau có đăng kí kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa năm 2016. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại nhà cha mẹ anh P ở thôn L, xã Tam Nghĩa nhưng không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị T. Tư tưởng, lối sống không hợp nhau, giữa hai người không có sự đồng cảm, chia sẽ với nhau. Anh P đã bỏ nhà đi vào miền Nam làm ăn nửa năm nay và chị T cũng bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Giữa hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Chị T thấy không còn tình cảm với anh P, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Khi ly hôn chị T yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Như T, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ;

- Về tài sản chung: không có;
- Về nợ chung và cho vay, mượn nợ: không có.

Ngoài ra chị T không trình bày và không yêu cầu gì thêm;

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn P trình bày: Lúc anh P đi nghĩa vụ quân sự về thì có người bạn làm mai cho anh Phúc với chị Tân, sau đó hai người tìm hiểu trong thời gian 03 năm thì chị T có thai nên hai người quyết định kết hôn. Khi cưới về được khoảng 01 tuần lễ thì anh P phát hiện trong khi quen anh P, chị T cũng có quen một người bạn thân nữa nên anh Phúc phân vân không biết đứa con là con ai nên anh P đánh chị T và giữa hai người phát sinh mâu thuẫn từ đó. Sau đó hai người vẫn sống cùng nhau ở nhà cha mẹ đẻ của anh P nên thời gian sau anh P cầm một số tiền đi vào Sài Gòn mở quán làm ăn và gọi chị T vào nhưng chị T không vào mà bỏ về nhà mẹ đẻ sống rồi yêu cầu ly hôn. Chị T yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh P nuôi con chung tên Nguyễn Như T, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh P không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Núi Thành nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Anh P cư trú tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điều 35 và điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh P là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập chị T, anh P đến tham gia phiên họp và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh Phúc nhưng anh P không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi cưới, hai người sống chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn là do tính tình, tư tưởng, lối sống giữa hai người không hợp nhau, anh P thường xuyên nhậu xỉn, đánh đập chị T nên chị T đã bồng con bỏ về nhà mẹ đẻ sống còn anh P cũng bỏ đi Sài Gòn. Từ đầu năm 2017 đến nay, chị T và anh P không còn chung sống, không còn lo lắng, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã lần triệu tập anh P và chị T đến giải quyết nhưng hia người không về đoàn tụ được mà mong muốn được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 51 và 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh P có một con chung tên Nguyễn Như T, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu T dưới 36 tháng tuổi, là con gái và được chị T chăm sóc từ trước đến nay, để đảm bảo cho cháu T được phát triển đầy đủ về tâm sinh lý, thể chất nên tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy cha mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị T yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Như T mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

[4] Về tài sản chung: không có;

[5] Về nợ chung và cho vay mượn nợ: không có;

[6] Về án phí: chị Lương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 35, điều 39; điều 147 và điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 37, 51, 56, 59, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị T về *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn P;

2. Về con chung: giao cho chị Lương Thị T được nuôi con chung tên Nguyễn Như T, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016 đến khi đủ 18 tuổi, anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

Anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng;

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có;

Về án phí: chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 23 tháng 5 năm 2017 theo biên lai thu số 0001389 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, chị Tân có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phúc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *THADS huyện Núi Thành;*
- *UBND xã Tam Nghĩa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Trà